

## GIỚI TRONG VĂN HOÁ PHÁP LÍ TRUYỀN THỐNG - MỘT NỘI DUNG GIẢNG DẠY CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ThS. VŨ THỊ NGÀ \*

Văn hoá pháp lí Việt Nam là một phần của văn hoá Việt Nam nói chung. Nói tới văn hoá Việt Nam truyền thống là nói tới quá trình phát triển của văn hoá Việt Nam trước khi có sự tiếp biến với văn hoá phương Tây, chủ yếu trong thời kì tiền phong kiến và phong kiến, gồm ba thời kì lịch sử sau:

- Thời kì hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc.
- Thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc.
- Thời kì phong kiến.

Cũng như văn hoá truyền thống Việt Nam, văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam được hình thành từ ba nền văn hoá: Văn hoá Việt, văn hoá Chăm và văn hoá Phù Nam. Trong đó văn hoá Việt là cái gốc và đóng vai trò chủ yếu để hình thành và phát triển nền văn minh Đại Việt rực rỡ ở phương Nam. Bài viết này chỉ đề cập văn hoá pháp lí truyền thống trong văn hoá Việt.

Văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam được thể hiện trên bình diện rộng bao gồm: hệ thống pháp luật thực định do nhà nước ban hành trong quá trình phát triển của nó; lệ làng và phong tục tập quán; thực tiễn áp dụng pháp luật trong đời sống; tư tưởng Nho giáo có vai trò quan trọng và có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của hệ thống pháp luật thực định và phong tục tập quán; thái độ (thể ứng xử) của nhân dân đối với

chính sách và pháp luật của nhà nước thể hiện qua tục ngữ, ca dao.

Quá trình phát triển của văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam chịu sự quy định, tác động của những yếu tố nội sinh và cả những yếu tố ngoại sinh. Những yếu tố nội sinh (nhu cầu của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, của công cuộc chống ngoại xâm, tàn dư của truyền thống thị tộc mẫu hệ...) của một cộng đồng dân cư thuộc khu vực Nam Á đã hình thành truyền thống tôn trọng phụ nữ - một nét đẹp trong nền văn hoá Việt và điều đó được ghi nhận trong văn hoá pháp lí Việt Nam truyền thống. Những yếu tố ngoại sinh từ khu vực Đông Á (ảnh hưởng của pháp luật phong kiến Trung Quốc, tư tưởng và lễ nghi Nho giáo...) được du nhập vào Việt Nam qua nhiều thế kỉ khi được nhà nước phong kiến Việt Nam tiếp nhận đã xác lập sự thống trị giới của đàn ông đối với phụ nữ trên quy mô toàn xã hội và điều đó được thể hiện khá rõ nét trong văn hoá pháp lí Việt Nam truyền thống.

Chính sự du nhập và tích hợp của những yếu tố văn hoá pháp lí Đông Á vào cơ tầng văn hoá pháp lí Nam Á bản địa ở Việt Nam được thực hiện qua một quá trình tiếp biến văn hoá vừa cưỡng bức vừa tự nguyện đã

\* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

“*tạo nên một sự cùng tồn tại và đan xen văn hoá mang tính lưỡng nguyên*”<sup>(1)</sup> trong suốt quá trình phát triển của văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam.

**1. Những nội dung đã đề cập trong chương trình giảng dạy lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam**

Trong quá trình giảng dạy, do thời gian giảng không nhiều và chưa được triển khai cách tiếp cận giới, bộ môn lịch sử nhà nước và pháp luật chỉ chủ yếu đề cập đặc điểm trên của văn hoá pháp lí Việt Nam truyền thống trong hệ thống pháp luật thực định, trong tư tưởng và lễ nghi Nho giáo qua một số nội dung sau đây:

*1.1. Pháp luật phong kiến Việt Nam đã xác lập chế độ phụ quyền gia trưởng bằng những quy định đề cao quyền của người chồng đối với vợ, quyền của người con trai trong gia đình*

Quyền của người chồng đối với vợ được đề cao thể hiện qua những quy định của pháp luật mặc nhiên thừa nhận và bảo vệ chế độ hôn nhân đa thê theo lễ nghi Nho giáo. Ví dụ: Trong Quốc Triều hình luật (QTHL) có 16 điều khoản nói tới vợ cả, vợ lẽ, nàng hầu, ti thiếp. Chế độ hôn nhân đa thê đã buộc một số phụ nữ phải lệ thuộc về tình cảm và trói buộc cả thân phận vào một người đàn ông. Trong quan hệ nhân thân giữa vợ chồng, người vợ cũng phải gánh chịu nhiều nghĩa vụ với chồng hơn như nghĩa vụ để tang chồng, nghĩa vụ tông phụ và nếu có cùng hành vi vi phạm nghĩa vụ chung đối với nhau thì mức xử phạt mà luật quy định đối với người vợ thường bao giờ cũng nặng hơn so với mức xử phạt

người chồng (các điều 308, 309, 321 QTHL; các điều 108, 332 Bộ luật Gia Long - HVLL).

Trong quan hệ tài sản, bằng những quy định về thừa kế tài sản, lễ nghi Nho giáo và pháp luật còn khuyến khích và ràng buộc người phụ nữ goá chồng phải ở vậy thờ chồng suốt đời. Nhưng người chồng goá vợ thì vẫn được quyền chiếm dụng tài sản thừa kế từ vợ một đời khi đã tái hôn (các điều 374, 375, 376 QTHL).

Lễ nghi Nho giáo và luật pháp đều quy định 7 trường hợp người chồng được bỏ vợ gồm: Không con, dâm dăng, ghen tuông, không kính cha mẹ chồng, lảm lời, trộm cắp, ác tật. Những quy định trên càng trói buộc người phụ nữ trong sự phụ thuộc chồng và buộc họ phải luôn tuân thủ nguyên tắc phu xướng phụ tùy trong quan hệ ứng xử với chồng.

Các quy định về quyền tài sản của con trai và con gái trong luật cũng bị chi phối bởi tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo. Cả QTHL và HVLL đều áp dụng nguyên tắc trọng trưởng, trọng nam khi quy định về thừa kế tài sản hương hoá. Chỉ khi không có con trai, con gái trưởng mới được thừa kế tài sản hương hoá (Điều 391 QTHL) hoặc khi trong họ không có con trai đáng được thừa kế theo lệ “chiêu mục tương đương” thì con gái mới được thừa kế tài sản hương hoá (Lệ 2 Điều 83 HVLL). Thậm chí HVLL chỉ quy định quyền thừa kế tài sản của con trai (Điều 83) mà không quy định về quyền thừa kế tài sản của con gái trong hàng thừa kế thứ nhất. Trong pháp luật phong kiến và lễ nghi Nho giáo, việc xác lập chế độ phụ quyền gia trưởng trong gia đình luôn là một nội dung chính yếu.

Tuy nhiên, ở mức độ nhất định, pháp luật phong kiến Việt Nam vẫn chấp nhận một số phong tục cổ truyền của cư dân Đại Việt.

1.2. *Pháp luật phong kiến Việt Nam đã ghi nhận truyền thống tôn trọng phụ nữ của dân tộc*

Nội dung này được thể hiện rõ nhất trong hệ thống pháp luật của thời Hậu Lê. Trước hết về quyền nhân thân, pháp luật thừa nhận người phụ nữ có quyền từ hôn (Điều 322 QTHL); có quyền xin ly hôn trong một số trường hợp (các điều 308, 333 QTHL; Điều 107 HVLL); có quyền thuận tình li hôn (Điều 167 HĐTCT; Điều 107 HVLL).

Về quyền tài sản, QTHL thừa nhận người vợ có quyền có tài sản riêng trong hôn nhân; là đồng sở hữu chủ khối tài sản chung (tân tảo điền sản) trong gia đình cùng với chồng; có quyền thừa kế tài sản của chồng (các điều 374, 375, 376). Vì có quyền tài sản nên người vợ cũng là đồng chủ thể cùng với chồng trong các giao dịch dân sự liên quan đến những tài sản lớn của gia đình. Trong những mẫu văn khế mua bán, cầm cố ruộng đất, đổi ruộng đất; văn khế vay nợ, bán nô tì, thả nô tì đều quy định phải có cả họ tên và chữ kí của hai vợ chồng.<sup>(2)</sup> QTHL còn quy định con gái có quyền thừa kế tài sản của cha mẹ như con trai (Điều 388), con gái trưởng được thừa kế tài sản hương hoá khi gia đình không có con trai (Điều 391). Những quy định như trên đã mang lại cho người phụ nữ một quyền cơ bản: quyền làm chủ tài sản gia đình và chính từ quyền đó, người phụ nữ có địa vị tương đối độc lập và cao trong gia đình.

## 2. Những nội dung về giới cần bổ sung trong chương trình giảng dạy môn lịch sử nhà nước pháp luật Việt Nam

2.1. *Văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam đã xác lập sự thống trị giới của đàn ông đối với phụ nữ trên cả ba cấp độ gia đình, xã hội và quốc gia*

Trong gia đình, không chỉ lễ nghi, tư tưởng Nho giáo và pháp luật phong kiến đã xác lập chế độ phụ quyền gia trưởng bằng những quy định đề cao quyền của người chồng đối với vợ như đã đề cập ở trên mà ngay cả tập quán phong tục và lệ làng cũng hấp thụ tư tưởng trọng nam khinh nữ, coi nguyên tắc phu xướng phụ tùy là nền tảng luân lí cho đạo vợ chồng trong gia đình. Điều 64 hương ước làng Quỳnh Đôi quy định: “*Người ta lấy luân thường làm trọng... chồng nói thì vợ nghe, làm người thì cư xử lậ thế... Nếu mà không được thế thì chẳng khác gì loài cầm thú. Ai có điều lỗi không đợi người nhà trình đạt, chỉ cần có người giác với làng là làng chiếu theo tội nặng nhẹ mà bắt phạt*”.<sup>(3)</sup>

Và khi lễ nghi Nho giáo thông qua tầng lớp nho sĩ bình dân đã thâm nhập vào đời sống nông dân làng xã thì người phụ nữ nông dân với bản tính cam chịu đã chấp nhận nguyên tắc đó như một lẽ đương nhiên:

“*Em nay khăn khăn một lòng  
Muốn cho phu xướng phụ tòng cùng nhau*”.<sup>(4)</sup>

Chế độ đa thê cũng được đông đảo dân chúng chấp nhận và xã hội coi sự tự trói buộc thân phận và tình cảm của những người phụ nữ vào một người đàn ông là tiêu chí phổ biến: “*Tài giai lấy năm bảy vợ, gái chính chuyên chỉ có một chồng*”.

Trong xã hội, theo nguyên tắc tam tông

của Nho giáo, cuộc sống của người phụ nữ là cuộc sống trong phạm vi gia đình với nghĩa vụ tề gia nội trợ, chăm sóc chồng con, chứ không được tham gia vào các tổ chức và hoạt động xã hội.

Pháp luật phong kiến trừng phạt nghiêm khắc những người phụ nữ vi phạm nguyên tắc đó. Hồng Đức thiện chính thư có những quy định sau: “*Làm đạo vợ phải theo chồng siêng năng việc nữ công, không được thiện tiện đi về*” (Điều 36); “*ở dân gian... con gái thì giữ gìn trong khuê môn, nói phải chọn lời, làm phải chọn việc, không được lăm điều lớn tiếng... ai trái lệnh này, cho phép xã trưởng bắt nộp quan, con gái sẽ phạt 50 roi và phạt tiền theo luật*” (Điều 177).<sup>(5)</sup>

Lệ làng và phong tục tập quán cũng có những quy định tương tự. Hương ước làng Quỳnh Đôi ghi rõ: “*Đàn bà con gái cốt chăm việc dệt canh cửi và cày bừa cho siêng năng, nếu nhon nhon cú chum ba chum bốn bàn việc người này người nọ lãng nhãng... làng nghe được bắt ra đình làng và miêng*” (Điều 98).<sup>(6)</sup>

Những nguyên tắc và quy định trên được thực hiện trong cuộc sống xã hội qua nhiều thế kỉ đã hình thành một nếp sống an phận, cam chịu của dân chúng, nhất là của những người phụ nữ:

*“Con ơi muốn nên thân người  
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha  
Gái thì giữ việc trong nhà  
Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa”.*

Hay là:

*“Ghe bầu trở lái về đông  
Làm thân con gái thờ chồng nuôi con”.*<sup>(7)</sup>

Không chỉ có vậy, lễ nghi Nho giáo và luật pháp phong kiến còn cấm phụ nữ không

được học hành, thi cử. Đi học và đi thi là một đặc quyền của nam giới.

Văn hoá là đặc quyền của nam giới. Các quy định trên lâu dần trở thành một tập quán xã hội và người dân chấp nhận nó như lẽ đương nhiên:

*“Trai thì đọc sách ngâm thơ  
Dùi mài kinh sử để chờ dịp khoa  
Mai sau nối được nghiệp nhà  
Trước là đẹp mặt sau là ấm thân”.*<sup>(8)</sup>

Hoặc:

*“Xin chàng kinh sử học hành  
Để em cày cấy cửi canh kịp người”.*<sup>(9)</sup>

Trong phạm vi quốc gia, với đời sống chính trị của đất nước, người phụ nữ không có quyền tham chính, tham gia chính sự là đặc quyền của đàn ông. Kinh Thư viết: “*Gà mái mà gáy buổi sáng thì đạo nhà suy vi. Đàn bà cầm quyền định đoạt... cũng như gà mái gáy buổi sáng*”.<sup>(10)</sup> Từ tư tưởng chính trị đó, trong bộ máy nhà nước phong kiến không có quan lại là phụ nữ. Trong đời sống chính trị xã hội ở làng xã, lệ làng cũng không cho người phụ nữ tham gia bàn bạc việc làng chôn đình trung. Do ảnh hưởng của lễ nghi và luật pháp hướng Nho, những người phụ nữ bị đẩy ra khỏi đình làng và nơi quản tụ của họ chỉ là bến nước, giếng làng. Hương ước làng Quỳnh Đôi quy định: “*Con trai trong làng đến tuổi 20 là thành đình thì phải ghi tên vào sổ làng để cùng làm việc quan*”.<sup>(11)</sup>

Việc xác lập sự thống trị giới của đàn ông đối với phụ nữ trong văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam đã làm giảm thiểu tối đa năng lực của người phụ nữ đóng góp cho sự phát triển của gia đình, của xã hội và của đất nước. Nó hình thành quan niệm và lối

ứng xử trọng nam khinh nữ trong các tầng lớp xã hội; hình thành tâm lý tự ti, mặc cảm, cam chịu trong giới phụ nữ. Đó là một rào cản vô hình nhưng dai dẳng hạn chế họ bộc lộ và phát huy khả năng sẵn có của mình để đóng góp cho sự phát triển của xã hội, của đất nước. Đó là một trong những yếu tố của văn hoá pháp lý truyền thống mà chúng ta cần phải nhận diện, phê phán và loại trừ nhằm xây dựng một nền văn hoá pháp lý dân tộc tiên tiến, hiện đại và đậm đà bản sắc dân tộc làm động lực cho sự phát triển của đất nước trong thời kì đương đại.

*2.2. Văn hoá chính trị - pháp lý Việt Nam truyền thống đã thể hiện vai trò, vị trí to lớn của người phụ nữ trong đời sống kinh tế - xã hội - chính trị của đất nước và truyền thống tôn trọng phụ nữ của dân tộc ta*

Trong đời sống chính trị của đất nước, Hai Bà Trưng - những đại biểu xuất sắc của phụ nữ Việt Nam trong gần 20 thế kỉ trước đã là người đầu tiên nêu cao ý thức dân tộc, ý thức quốc gia; nêu cao tư tưởng độc lập dân tộc và mở đầu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bền bỉ của dân tộc ta. Cũng chính Hai Bà đã xây dựng nên chính quyền độc lập tự chủ đầu tiên của đất nước ta trong hơn ngàn năm Bắc thuộc. Nổi tiếp truyền thống “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, vào nửa đầu thế kỉ thứ III, Bà Triệu cũng phát cờ khởi nghĩa chống giặc Ngô. Hình ảnh của Bà thật oai hùng trong tiềm thức và cảm quan văn hoá dân tộc:

*“Muốn coi lên núi mà coi  
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công  
Túi gấm cho lẫn túi hồng  
Têm râu cánh kiến cho chồng đi quân”.*<sup>(12)</sup>

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, có không ít những chính trị gia nữ tài ba bản lĩnh và sáng suốt đã có những đóng góp to lớn, thậm chí là quyết định đối với sự tồn vong, thịnh suy của đất nước, của triều đại.

Trong thế kỉ thứ X, với quyết định nhường ngôi cho Lê Hoàn và sau đó kết hôn với ông, thái hậu Dương Vân Nga đã biết hi sinh quyền lợi hạn hẹp của gia đình, gia tộc và bản thân để đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc, của cộng đồng lên trên hết. Là con gái của dòng họ Dương - một dòng họ có thế lực lớn ở Thanh Hoá thời kì đó, lại là thái hậu nắm quyền chấp chính khi Hoàng đế Đinh Toàn mới 5 tuổi, bà hoàn toàn có thể dùng quyền lực của mình để dành ngôi báu cho con em dòng họ mình. Nhưng trước sự đe dọa của giặc ngoại xâm, bà đã theo nguyện vọng của nhân dân cả nước và quyết định nhường ngôi. Hành động của bà phản ánh nét đặc thù trong văn hoá ứng xử của dân tộc đã từng tồn tại từ xa xưa cho đến tận bây giờ là: lựa chọn và bầu thủ lĩnh là người có năng lực và phẩm chất xứng đáng. Hành động của bà đã có đóng góp quyết định đối với việc ổn định triều chính và với sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống lần thứ nhất. Hành động đó được nhân dân đồng tình và cao hơn nữa là sự khâm phục tôn trọng và biết ơn khi chính họ đã lập đền thờ bà và trân trọng đặt tượng bà ở chính giữa, còn hai bên là tượng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành.<sup>(13)</sup>

Thế kỉ thứ XI xuất hiện một nữ chính trị gia có tài trị nước an dân, đó là Nguyên Phi -

Thái hậu Ý Lan. Vốn xuất thân thường dân nên khi được vào cung bà khổ công học hỏi, miệt mài đọc và nghiên ngẫm nghĩa sách nên chỉ một thời gian ngắn đã có sự hiểu biết uyên thâm về nhiều mặt. Năm 1096, vua Lí Thánh Tông cầm quân đi đánh Chiêm Thành đã trao quyền nhiếp chính cho bà. Năm ấy nước ta bị lụt lội, mùa màng thất bát, nhiều nơi sinh loạn. Nhưng nhờ có kế sách trị nước đúng đắn, quyết đoán, táo bạo nên loạn lạc được dẹp yên, dân được cứu đói. Cảm ơn ấy, nhân dân đã tôn thờ bà là Quan âm nữ. Năm 1077, quân Tống xâm lược nước ta.

Bỏ qua hiềm khích cũ, bà đã điều Thái Sư Lí Đạo Thành từ Nghệ An về triều để cùng mình điều khiển triều chính, huy động sức người sức của vào trận.

Trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai, công của thái hậu Ý Lan rất lớn.

Trong đời sống kinh tế của đất nước, người phụ nữ có vai trò lớn lao. Nền kinh tế nông nghiệp lúa nước không chỉ đòi hỏi nguồn nhân công lớn để kịp thời vụ mà còn rất cần sự cần cù, chăm chỉ, nhẫn nại trong cả quá trình sản xuất. Với những phẩm chất tự nhiên của mình, người phụ nữ nông dân Việt Nam có vai trò to lớn không thua kém vai trò của người đàn ông trong đời sống kinh tế của đất nước, của gia đình. Có thể thấy họ trong tất cả quá trình sản xuất để làm nên mùa vụ:

*“Kẻ chi trời rét đồng sâu  
Cố chồng cố vợ rủ nhau cày bừa...”  
“Trên đồng cạn dưới đồng sâu  
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa...”*

*“Hôm qua tát nước đầu đình  
...”*

*“Hỡi cô cắt cỏ một mình  
...”*

*“Hỡi cô đang gặt dưới đồng”*

Chính vì vậy, pháp luật phong kiến đã ghi nhận vai trò kinh tế của người phụ nữ bằng nhiều quy định cụ thể về quyền tài sản của người phụ nữ như đã đề cập trên. Nhà nước phong kiến Lê Sơ đã cấp ruộng đất công cho phụ nữ theo chính sách quân điền.<sup>(14)</sup>

Trong đời sống gia đình - văn hoá - xã hội, là người thầy đầu tiên của mỗi con người, người phụ nữ có chức năng xã hội lớn lao. Người mẹ là nơi lưu giữ các giá trị văn hoá truyền thống và từ người mẹ, các giá trị đó được phổ biến sâu rộng trong các thế hệ cháu con.

*“Con ơi muốn nên thân người  
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha  
...”*

*“Con ơi mẹ bảo con này  
Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua  
Con ơi mẹ bảo con này  
Học buôn học bán cho tày người ta  
Con đừng học thói chua ngoa  
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười  
Dù no dù đói cho tơi  
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan...”<sup>(15)</sup>*

Vai trò của người phụ nữ đối với con cái, gia đình và xã hội đã được pháp luật và nhà nước phong kiến thừa nhận. Pháp luật không cho phép người chồng được bỏ vợ trong ba trường hợp dù người vợ có bị rơi vào thất xuất (các điều 163, 165 Hồng Đức thiện chính thư; Điều 108 HVLL). Hành động ngược đãi vợ nghiêm trọng như đánh vợ bị thương bị

pháp luật nghiêm trị (Điều 482 QTHL).

Trong đời sống xã hội, người lao động bình dân theo chế độ hôn nhân một vợ một chồng và duy trì mối quan hệ tình cảm gắn bó keo sơn, thuận hoà tương giao giữa hai vợ chồng:

*“Đói no một vợ một chồng  
 Một niêu cơm tám đầu lòng ăn chơi...”*  
*“Đói lòng ăn nắm lá sung  
 Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng  
 ...”*  
*“Vợ chồng là nghĩa tao khang  
 Chồng hoà vợ thuận, nhà thường yên vui”.*<sup>(16)</sup>

Hoặc:

*“Thuận vợ, thuận chồng tát bể đông cũng cạn”.*

Thậm chí, trước những bất công mà người phụ nữ phải gánh chịu do chế độ hôn nhân đa thê, những người phụ nữ lao động bình dân còn bộc lộ ước nguyện được bình đẳng hôn nhân như nam giới của mình:

*“Ước gì dài yếm em dài  
 Để em buộc lấy những hai anh chàng”.*<sup>(17)</sup>

Như vậy, xét ở khía cạnh giới, văn hoá pháp lí truyền thống Việt Nam luôn có tính lưỡng nguyên đối trọng, vừa xác lập sự thống trị giới của đàn ông đối với phụ nữ, vừa phản ánh, ghi nhận truyền thống tôn trọng phụ nữ của dân tộc.

Đây là một nội dung rất đáng lưu ý khi lồng ghép giới vào chương trình giảng dạy lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội.

### **3. Một số kiến nghị**

Để việc lồng ghép giới vào chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội được đồng bộ và hài hoà, chúng tôi đề nghị:

- Cho phép các tổ bộ môn được điều chỉnh một số nội dung giảng của môn học để

có sự cân đối giữa những nội dung đã có từ trước, những nội dung mới được lồng ghép với số tiết giảng đã được ấn định của môn học.

- Cần triển khai việc lồng ghép giới vào chương trình giảng dạy của tất cả những môn học nào có thể lồng ghép được trong trường.

- Việc lồng ghép giới vào chương trình đào tạo của trường cần được tiến hành với sự tham gia tích cực của cả giảng viên nam và nữ, vì như vậy hiệu quả của chương trình sẽ nhanh chóng và sâu rộng hơn là việc thực hiện để bị coi là đơn phái của giảng viên nữ./.

(1).Xem: PGS.TS. Nguyễn Thừa Hỷ, *“Tính lưỡng nguyên đối trọng trong xã hội, văn hoá Việt Nam truyền thống”*, (trong cuốn sách *“Một chặng đường nghiên cứu lịch sử”*), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 376.

(2).Xem: *Quốc triều thư khí thể thức; một số văn bản pháp luật Việt Nam thế kỉ XV- thế kỉ XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 1994, tr. 253 - 256.

(3).Xem: Lê Đức Tiết, *Về hương ước lệ làng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 285.

(4).Xem: Nguyễn Đăng Thục, *Tư tưởng Việt Nam, Tư tưởng triết học bình dân*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr. 271.

(5).Xem: Nam Hà ấn quán, Sài Gòn 1959.

(6).Xem: Lê Đức Tiết, Sdd, tr. 293.

(7).Xem: *Ca dao trữ tình chọn lọc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 129.

(8).Xem: *Ca dao trữ tình chọn lọc*, Sdd, tr. 130.

(9).Xem: *Cả dao trữ tình chọn lọc*, Sdd, tr. 131.

(10).Xem: *Kinh thư*, Dịch gia Thẩm Quỳnh, Sài Gòn, 1965, tr. 214.

(11).Xem: Lê Đức Tiết, Sdd, tr. 278.

(12).Xem: *Ca dao trữ tình chọn lọc*, Sdd, tr. 69.

(13).Xem: Lee Seon Hee, *Thái hậu Dương Vân Nga và vai trò của người phụ nữ Việt Nam thế kỉ X*; Tạp chí nghiên cứu lịch sử, số 5/2000, tr. 51, 53.

(14).Xem: Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, Quốc dụng chí*, tập 3, Nxb. Sử học, 1961, tr. 66, 69.

(15).Xem: *Ca dao trữ tình chọn lọc*, Sdd, tr. 129, 131.

(16).Xem: Nguyễn Đăng Thục, Sdd, tr. 270, 271.

(17).Xem: *Ca dao trữ tình chọn lọc*, Sdd, tr. 211.